

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ HÀ NỘI**DANH SÁCH CÁN BỘ GIÁO VIÊN ỦNG HỘ CU BA+ MÙA HÈ XANH NĂM 2026**

STT	Họ tên người nộp	Địa chỉ	Số tiền	Ghi chú
1	Phạm Văn Tân	BGH	5,000,000	
2	Trần Vũ Hoàng Anh	BGH	1,000,000	
3	Nguyễn Thị Thu Trang	BGH	1,000,000	
4	Nguyễn Thanh Phong	BGH	1,000,000	
5	Vũ Thị Mai Hương	BM BCK	500,000	
6	Bùi Thu Thảo	BM BCK	500,000	
7	Nguyễn Thị Việt Hà	BM BCK	500,000	
8	Lê Trung Hiếu	BM Giải phẫu	500,000	
9	Nguyễn Thị Hồng Nhung	BM Giải phẫu	500,000	
10	Nguyễn Thị Quyên	BM Hóa	500,000	
11	Giảng viên bộ môn Ngoại (An; Khánh; Thảo; Thu; Dũng)	BM Ngoại	2,500,000	
12	Bùi Thị Thanh Huyền	BM Nhi	300,000	
13	Quản Bích Diệp	BM Nhi	500,000	
14	Nguyễn Thị Lê Thủy	BM Nhi	500,000	
15	Phạm Thu Hà	BM Nhi	500,000	
16	Dương Thị Uyên Lương	BM Nội	300,000	
17	Trần Thanh Tâm	BM Nội	1,000,000	
18	Cán bộ Phòng Khảo thí	Cán bộ Phòng Khảo thí	5,000,000	
19	Cán bộ phòng TCKT	Cán bộ phòng TCKT	2,500,000	
20	Đỗ Văn An	Khoa Đ D	200,000	
21	Nguyễn thị Hậu	Khoa Đ D	500,000	
22	Đinh Thị Thanh Bình	Khoa Đ D	500,000	
23	Đỗ Thị Thúy Vân	Khoa Đ D	500,000	
24	Trần Thị Phương Anh	Khoa Đ D	200,000	
25	Nguyễn Thị Hiền (đ d)	Khoa Đ D	500,000	
26	Phương Văn Hoàng	Khoa Đ D	555,555	
27	Nguyễn Thu Trà	Khoa Đ D	500,000	
28	Ngô Đăng Ngự	Khoa Đ D	500,000	
29	Tạ Thị Kim Tiến	Khoa Đ D	500,000	
30	Đoàn Thị Vân	Khoa Đ D	500,000	

31	Nguyễn Thị Yên	Khoa Đ D	500,000	
32	Lê Thị Thủy	Khoa Đ D	888,888	
33	Nguyễn Thị Hoàng Thu	Khoa Đ D	500,000	
34	Lê Thị Quỳnh Hương	Khoa Đ D	300,000	
35	Hoàng Thị Minh Phương	Khoa Đ D	500,000	
36	Nguyễn Văn Độ	Khoa Đ D	500,000	
37	Dương Thị Thu Trang	Khoa Đ D	500,000	
38	Nguyễn Thị Lan Anh	Khoa dược	400,000	
39	Nguyễn Thị Thanh Bình	Khoa dược	400,000	
40	Tổng Thị Thu Hoa	Khoa dược	600,000	
41	Nguyễn Văn Hưng	Khoa dược	1,000,000	
42	lê Thị Thanh Thảo	Khoa dược	5,000,000	
43	Nguyễn Thị Hiền	Khoa dược	500,000	
44	Nguyễn Thị Lượng	Khoa dược	500,000	
45	Nghiêm Thị Minh	Khoa dược	1,000,000	
46	Nguyễn Thanh Mai	Khoa dược	300,000	
47	Nguyễn Thị Thu Hằng	Khoa dược	200,000	
48	Nguyễn Thanh Huyền (dược)	Khoa dược	300,000	
49	Ninh Bảo Yên	Khoa dược	300,000	
50	Hoàng Thị Nguyệt Phương	Khoa dược	500,000	
51	Nguyễn Thị Hoa Hiên	Khoa dược	1,500,000	
52	Phạm Mạnh Hùng	Khoa dược	300,000	
53	Phan Thị Thanh Tâm	Khoa dược	500,000	
54	Vũ Thị Phương Thảo	Khoa dược	500,000	
55	Nguyễn Hải Hằng	Khoa dược	500,000	
56	Đỗ Trang Ngân	Khoa dược	300,000	
57	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Khoa dược	500,000	
58	Nguyễn Khánh Ly	Khoa dược	300,000	
59	Nguyễn Thị Hải Yên	Khoa dược	200,000	
60	Lương Lê Uyên Trang	Khoa dược	500,000	
61	Phạm Thị Hương Lý	Khoa dược	500,000	
62	Khoa KHCB- YHCB	Khoa KHCB- YHCB	14,000,000	
63	Đỗ mạnh Hùng	Khoa KTYT	500,000	

64	Cán bộ giáo viên khoa KTYT	Khoa KTYT	13,400,000	
65	Đặng Thị Đức Phương	Khoa KTYT	1,000,000	
66	Nguyễn Thanh Huyền	Khoa KTYT	686,868	
67	Trần Thị Hương	Phòng CTSV	900,000	
68	Vũ Đình Sơn	Phòng CTSV	500,000	
69	Nguyễn Thúy Hà	Phòng CTSV	500,000	
70	Tiên Thị Nga	Phòng CTSV	600,000	
71	Nguyễn Phương Linh	Phòng CTSV	500,000	
72	Trần Thị Hậu	Phòng CTSV	500,000	
73	Dương Thị Thu Liễu	Phòng CTSV	500,000	
74	Đình Quốc Khánh	Phòng CTSV	1,000,000	
75	Nguyễn Thị Hồng Minh	Phòng CTSV	500,000	
76	Nguyễn Thị Hiền (đào)	Phòng đào tạo	500,000	
77	Đỗ Anh Tuấn Anh	Phòng đào tạo	500,000	
78	Trần Thị Vân Anh	Phòng đào tạo	500,000	
79	Nguyễn Hiền Du	Phòng đào tạo	500,000	
80	Nguyễn Lê Nhật Linh	Phòng đào tạo	500,000	
81	Vũ Thị Mai	Phòng đào tạo	500,000	
82	Nguyễn Thị Phương Thanh	Phòng đào tạo	500,000	
83	Nguyễn Thị Kim Oanh	Phòng đào tạo	500,000	
84	Thành Thị Bích Chi	Phòng đào tạo	1,000,000	
85	Trần Ánh Nguyệt	Phòng đào tạo	500,000	
86	Phạm Hy Long	Phòng đào tạo	500,000	
87	Mai Thị Minh Nghĩa	Phòng KTKĐCL	1,000,000	
88	13 đoàn viên Phòng QTTB	Phòng QTTB	6,500,000	
89	8 đoàn viên Phòng TCHC	Phòng TCHC	4,000,000	
90	11 Đoàn viên trung tâm tiền lâm sàng	TT tiền lâm sàng	5,500,000	

DANH SÁCH SINH VIÊN; TẬP THỂ LỚP ỦNG HỘ CU BA+ MÙA HÈ XANH NĂM 2026

STT	Họ tên người nộp	Địa chỉ	Số tiền	Ghi chú
1	Lê Nguyễn Thu Phương	Đ D20A1	50,000	
2	Nguyễn Thị Hạnh	ko ghi lớp	100,000	
3	Trần Quang Khanh	PHCN 5A6	30,000	

4	Tập thể Đ D18A12	Tập thể Đ D18A12	80,000	
5	Tập thể lớp CSSĐ 4A2	Tập thể lớp CSSĐ 4A2	200,000	
6	Tập Thể lớp Đ D19A24	Tập Thể lớp Đ D19A24	200,000	
7	Tập thể lớp Đ D20A11	Tập thể lớp Đ D20A11	126,585	
8	Tập thể lớp Đ D20A21	Tập thể lớp Đ D20A21	290,000	
9	Tập thể lớp Đ D20A22	Tập thể lớp Đ D20A22	150,000	
10	Tập thể lớp Đ D20A33	Tập thể lớp Đ D20A33	500,000	
11	Tập thể lớp Đ D20A35	Tập thể lớp Đ D20A35	300,000	
12	Tập thể lớp Đ D20A4	Tập thể lớp Đ D20A4	100,000	
13	Tập thể lớp D13A17	Tập thể lớp D13A17	200,000	
14	Tập thể lớp D13A21	Tập thể lớp D13A21	200,000	Lần 1
15	Tập thể lớp D13A21	Tập thể lớp D13A21	173,000	Lần 1
16	Tập thể lớp D13A24	Tập thể lớp D13A24	400,000	
17	Tập thể lớp D13A28	Tập thể lớp D13A28	200,000	
18	Tập thể lớp D13A33	Tập thể lớp D13A33	174,000	
19	Tập thể lớp D13A40	Tập thể lớp D13A40	166,000	
20	Tập thể lớp D13A51	Tập thể lớp D13A51	300,000	
21	Tập thể lớp D14A14	Tập thể lớp D14A14	200,000	
22	Tập thể lớp D14A15	Tập thể lớp D14A15	100,000	
23	Tập thể lớp D15A16	Tập thể lớp D15A16	1,040,000	
24	Tập thể lớp D15A18	Tập thể lớp D15A18	30,000	Lần 1
25	Tập thể lớp D15A18	Tập thể lớp D15A18	310,000	Lần 1
26	Tập thể lớp D15A6	Tập thể lớp D15A6	560,000	
27	Tập thể lớp D15A9	Tập thể lớp D15A9	500,000	
28	Tập thể lớp Dược 15A17	Tập thể lớp Dược 15A17	200,000	
29	Tập thể lớp PHCN 5A6	Tập thể lớp PHCN 5A6	500,000	
30	Tập thể lớp YS 2A3	Tập thể lớp YS 2A3	200,000	
31	Tập thể lớp YS 2A4	Tập thể lớp YS 2A4	300,000	
32	Tập thể lớp YS 2A9	Tập thể lớp YS 2A9	100,000	
33	Phạm Ngọc Hoài	YS 2A10	20,000	